

Bộ phận Chiến lược đầu tư

VHM - QUÝ II HỒI PHỤC TÍCH CỰC - DUY TRÌ TRUNG LẬP

Luận điểm đầu tư

- Vinhomes sở hữu quỹ đất lớn nhất Việt Nam, ở các vị trí chiến lược. Vinhomes là thương hiệu chủ đầu tư uy tín nhất và có biên lợi nhuận cao trong số các chủ đầu tư lớn trong ngành. Tình hình tài chính khoẻ mạnh và thương hiệu mạnh cho phép Vinhomes huy động vốn ở trong nước và nước ngoài dễ dàng.
- Trong Q2 2021, VHM đạt doanh thu là 28.7 nghìn tỷ đồng (+75% y-o-y), lợi nhuận gộp đạt 14.3 nghìn tỷ đồng (+123% y-o-y). LNST đạt 10.23 nghìn tỷ đồng (+202% y-o-y).
- Nhiều dự án được chấp thuận đầu tư và sẵn sàng để triển khai. Đây là động lực chính cho tăng trưởng thời gian tới và là điểm cốt yếu để cạnh tranh với các chủ đầu tư khác trong bối cảnh chậm cấp phép dự án diễn ra ở Tp Hồ Chí Minh.

Rủi ro

- Vấn đề chậm cấp phép sẽ không cải thiện trong năm nay;
- Tính chu kỳ và thắt chặt tín dụng ngăn cản tăng trưởng.
- Tác động của dịch Covid-19 và làn sóng dịch mới từ tháng 5, doanh số bán hàng sẽ bị tác động tiêu cực, bàn giao các căn hộ cho 2021 có thể thấp hơn dự kiến.
- Doanh số bán hàng của 3 đại dự án có thể kéo dài đến 2022 thay vì 2021 như dự kiến.
- Các dự án mới như Wonder Park, Dreamcity, Long Beach Cần Giờ có thể sẽ bị trì hoãn nếu nhu cầu không phục hồi.

Khuyến nghị:

- Sử dụng phương pháp RNAV, chúng tôi định giá cổ phiếu VHM với mức giá 102,300 VND/cổ phiếu và khuyến nghị **Trung lập** cho cổ phiếu VHM.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG	06/08/21	3	171,500	Nắm giữ	184,000	7.3%	6.7%	-	134.8%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	13.6%	-	1.5%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	36.5%	-	-2.5%
HAH	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	11.9%	-	124.8%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	10.8%	-	20.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	13.9%	30.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	96.8%	147.7%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	24.6%	43.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	22.1%	97.5%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	60.0%	180.7%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	4.8%	-	145.7%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	27.8%	62.5%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	8.0%	39.5%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	11.7%	134.8%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	10.1%	85.7%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	13.2%	-	14.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	5.0%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	15.0%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	10.7%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	51.9%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	34.1%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	24.8%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-12.1%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	0.0%
SSI*	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	54.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	20.5%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	27.4%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	11.5%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	28.2%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	42.6%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-2.0%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	-3.4%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	2.5%
GEG	08/03/21	18,000 - 19,200	28,000	16,800	1:4	-6.0%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-10.7%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	73.9%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	10.9%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	24.6%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	16.3%

LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	6.2%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	47.5%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	1.0%
SFI	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	48.4%
PGV	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	37.5%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	132.9%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	121.8%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường dao động trong buổi sáng với phần lớn thời gian ở phía trên tham chiếu. Sau đó bật tăng trong nửa đầu buổi chiều và quay đầu suy yếu trong nửa sau. Dù có sự hồi phục từ đáy vào cuối ngày nhưng phiên ATC giảm nhẹ khiến thị trường không thể đóng cửa tăng điểm.

Tương quan tăng giảm cân bằng trên toàn thị trường cũng như trong nhóm VNMidCap nhưng nghiêng về phía giảm nếu tính trong nhóm VN30. VIC, VHM, VPB, TCB, BID... là những cái tên tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX, trong khi ở chiều ngược lại là MSN, VNM, MWG, REE, BVH... Hầu hết các cổ phiếu Ngân hàng đều diễn biến kém tích cực, và cùng với nhóm Bất động sản lấy đi nhiều điểm nhất của VNINDEX. Trong khi đó, nhóm ngành có diễn biến tích cực đáng chú ý là nhóm Bảo hiểm.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 18/08/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa thấp hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa một chút và cao hơn mức thấp

nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và thấp hơn trung bình.

- ⇒ Lực mua giá cao suy yếu và thị trường không thể tăng lên nhưng lực bán thì cũng không mạnh, đồng thời lực mua giá thấp lại chực sẵn và đẩy thị trường bật lên trở lại, cộng với việc VNMidCap vẫn diễn biến tích cực hơn hẳn VN30 thì khả năng được đề cập trong nhận định liền trước có thêm sự xác nhận, đó là thị trường tạm chững lại, điều chỉnh để tích lũy nhưng vẫn phân hóa nên biên độ sẽ không lớn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,230
Kháng cự	1,300
	1,380 - 1,420

TIÊU ĐIỂM - NEWS FOCUS

CTCP FPT – FPT VN

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT), doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 7 tháng đầu năm đạt 19.002 tỷ đồng và 3.428 tỷ đồng, tăng 19% và 19,8% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận trước thuế tăng từ 17,9% lên 18%. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 2.233 tỷ đồng và 2.467 đồng, tăng 16,2% và 15,7%. Tính riêng tháng 7, doanh thu đạt 2.733 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế tăng 13,3% lên 492 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 10,3% lên mức 327 tỷ đồng.

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – MSB VN

CTCP Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL, đơn vị có liên quan đến Thành viên HĐQT độc lập Lê Thị Liên, đăng ký bán 8 triệu cổ phiếu, giảm lượng nắm giữ xuống 48,21 triệu đơn vị. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh từ ngày 23/8 đến 8/9.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
VFG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	31/08/2021
HGM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	20/09/2021
TDP	HSX	Giao dịch 6.451.065 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/08/2021
PPH	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/08/2021	20/08/2021	19/08/2021
D2D	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	10/9/2021
KTS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/08/2021	20/08/2021	19/08/2021
BSQ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	1/9/2021
PRE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	14/09/2021

FDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	19/08/2021	20/08/2021	19/08/2021
THU	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (506đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	15/09/2021
VE2	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	19/08/2021	20/08/2021	20/09/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

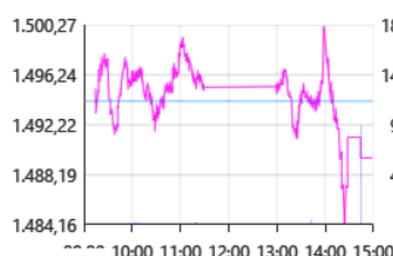
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,360.94	-0.16%	-2.15	689.78	24,406.7	172	43	197
Vn30 - Index	1,489.54	-0.31%	-4.58	212.86	12,219.6	11	3	16
Vn - Mid	1,686.66	-0.03%	-0.58	255.83	7,684.4	36	3	31
HNX - Index	344.82	0.50%	1.71	147.95	3,919.1	121	79	151
Upcom - Index	94.48	0.30%	0.28	69.28	1,434.0	169	69	115
VNX-ALL	2,280.25	-0.10%	-2.31	736.83	26,313.7	224	86	180

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

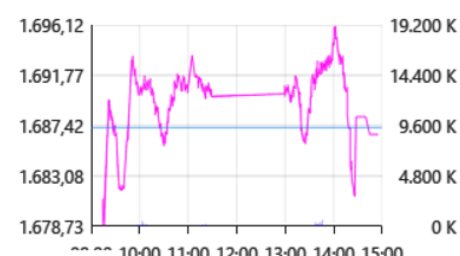
VN-INDEX



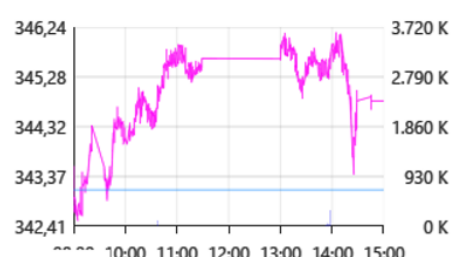
VN30



VN-MID



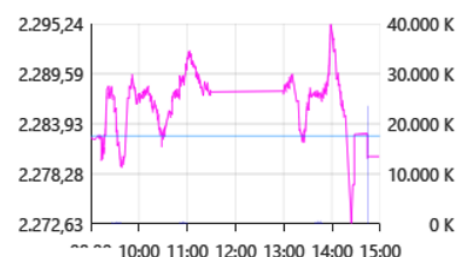
HNX-INDEX



UPCOM



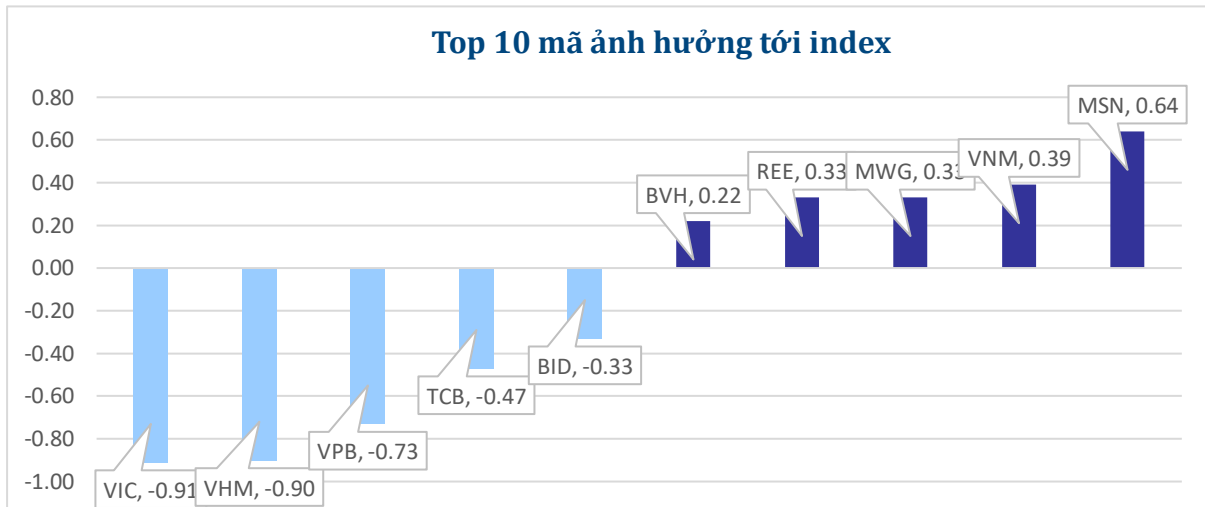
VNX-ALL



THANH KHOẢN NGÀY

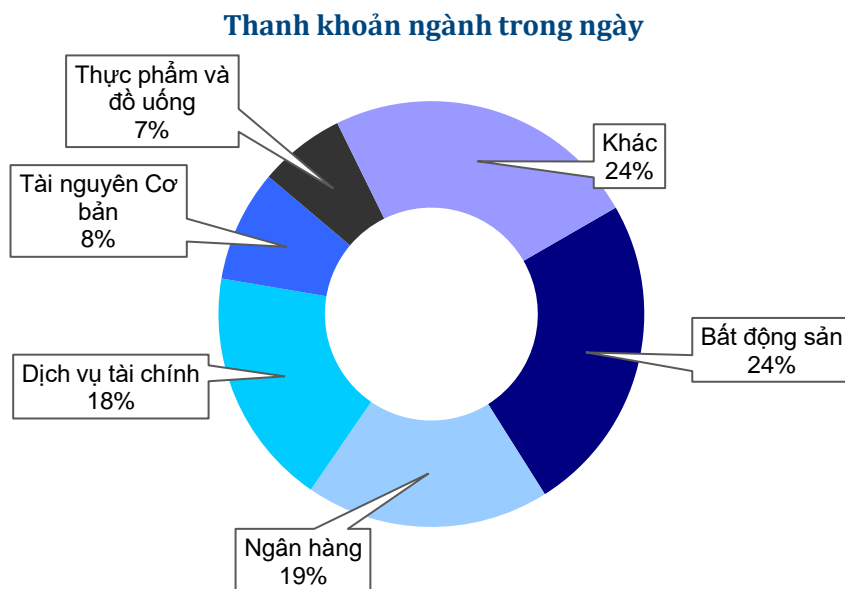
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	24,406.70	-5.31%	689.78	-10.26%
HNX	3,919.08	-14.32%	147.95	-11.47%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

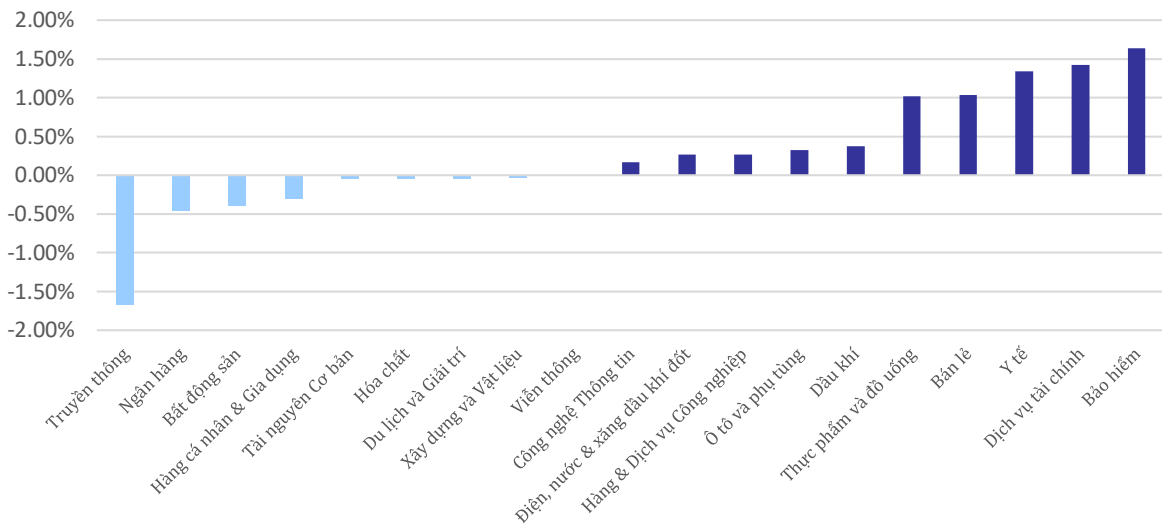


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
VHM	23.52	VHM	2,566.5	REE	514%	DBD	7.0%	VSC	-6.9%
STB	22.19	SSI	1,079.7	VHM	242%	REE	6.9%	VOS	-6.8%
HPG	20.16	HPG	1,017.6	VIX	219%	VIX	6.9%	BFC	-4.7%
FIT	20.11	VPB	905.2	VHC	213%	HAX	6.9%	DPM	-3.3%
PVS	18.09	TCB	684.7	VGC	189%	DIG	5.8%	AGG	-2.5%

NHÓM NGÀNH



Biến động các nhóm ngành trong ngày

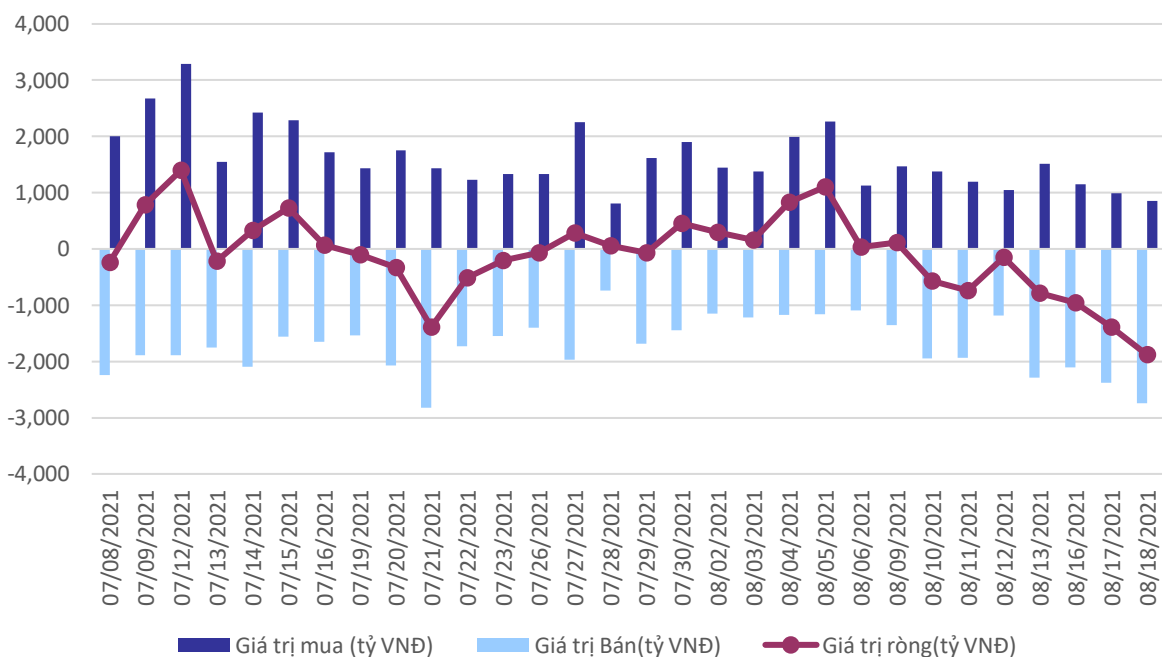


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 1,881.70 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 41.62 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHC	17.97	VHM	443.96
DIG	11.37	FUEVFVND	301.43
MIG	8.29	SSI	267.84
SZC	5.39	VNM	163.39
E1VFN30	5.25	VIC	118.12

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đình Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.ivs.com.vn		